

Số: 115/2024/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 10 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm
2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài
sản công;

Xét Tờ trình số 196/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm
quyền quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định;
Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về thẩm quyền quản lý,
sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các
Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát
việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Khoá XIX,
Kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024, có hiệu lực từ ngày 10
tháng 12 năm 2024 và thay thế Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 06

tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Nam Định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 2; Điều 3;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HU, HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh, Báo Nam Định;
- Website Chính phủ; Website tỉnh;
- Cổng TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. *7005*



CHỦ TỊCH

Lê Quốc Chính



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định

(Kèm theo Nghị quyết số 115/2024/NQ-HĐND
ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công; giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định.

Việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam (trừ Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán ngân sách Nhà nước cấp huyện). Các nội dung không quy định cụ thể tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP thì được thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Nhà nước (đối với cơ quan của Đảng) và quy định về quản lý, sử dụng tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập (đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng) tại Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan Nhà nước;
- Đơn vị sự nghiệp công lập;
- Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán ngân sách Nhà nước cấp huyện quản lý, sử dụng tài sản từ nguồn ngân sách Nhà nước.
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trừ đơn vị đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thuê tài sản công là nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác phục vụ hoạt động của đơn vị và quyết định thuê tài sản công là nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc, công trình

sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc từ các nguồn vốn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định việc thuê tài sản là nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ các nguồn vốn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định).

3. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác (không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) quyết định việc thuê tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 10b Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công); điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ) trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định việc khai thác tài sản công đối với tài sản công được giao quản lý, sử dụng; quyết định việc khai thác tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định việc khai thác tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý đối với:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, tài sản là nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất), xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý;

b) Tài sản công khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công được thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định thu hồi tài sản công được giao quản lý, sử dụng; quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả cấp xã).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm cả đất và tài sản gắn liền với đất), xe ô tô; tài sản khác và vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công; vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

b) Giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý và cơ quan, tổ chức, đơn vị huyện, thành phố quản lý (bao gồm cả cấp xã);

c) Giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị huyện, thành phố này (bao gồm cả cấp xã) và cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, thành phố khác (bao gồm cả cấp xã).

3. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản công (trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này) và vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả cấp xã).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định (bao gồm vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản cố định của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý:

a) Nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô;

c) Các tài sản cố định khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản trừ tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định.

2. Trừ tài sản cố định của đơn vị sự nghiệp công lập được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định và trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định được quy định như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh quyết định bán tài sản cố định được giao quản lý, sử dụng và tài sản cố định tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định bán tài sản cố định tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (gồm cả cấp xã).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp không thực hiện thanh lý tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức đấu giá.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với các tài sản công là tài sản cố định:

a) Nhà, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý; nhà, tài sản khác trên đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản trừ trường hợp phải phá dỡ, hủy bỏ tài sản để thực hiện dự án đầu tư theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc để giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản cố định khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh quyết định thanh lý tài sản cố định khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên 1 đơn vị tài sản được giao quản lý, sử dụng.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định được quy định như sau:

a) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh và tương đương quyết định thanh lý tài sản cố định khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 1 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản cố định là nhà, tài sản khác trên đất có nguyên giá dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (trừ trường hợp phải phá dỡ, hủy bỏ tài sản để thực hiện dự án đầu tư theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc để giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất) và tài sản cố định khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 1 đơn vị tài sản đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

c) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trực thuộc các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh; người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; người đứng đầu các đơn vị dự toán thuộc ngân sách Nhà nước cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý các tài sản cố định khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng trên 1 đơn vị tài sản.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản cố định là xe ô tô và tài sản cố định khác nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản cố định của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả cấp xã) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

3. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương; Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy các loại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (trừ trường hợp tài sản công bị mất, bị hủy hoại một phần)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất, xe ô tô và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định được giao quản lý, sử dụng; tài sản công là tài sản cố định của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ tài sản được quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản được quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của Dự án sử dụng vốn Nhà nước thuộc tỉnh quản lý

Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản (điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) của các dự án sử dụng vốn Nhà nước thuộc tỉnh quản lý thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Quy định này./.